ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 949/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2015

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 11218
Ngày: 12/6/15
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 02/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại Tờ trình số 41/TTr-PCLBTKCN ngày 07/5/2015 về việc ban hành Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2015.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT;
- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Phòng chống thiên tai KV MT-TN;
- Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh;
- Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi;
- Cục Hải quan Quảng Ngãi;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi;
- Đài Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/c, CB-TH;
- Lưu:VT, NNTNldv223.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trường Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 949 /QĐ-UBND ngày 11 / 6 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

I. Điều kiện tự nhiên

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có Cảng biển nước sâu Dung Quất và Nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước là điều kiện thuận lợi để Quảng Ngãi đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội theo tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Toàn tỉnh có 14 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: 01 thành phố, 06 huyện đồng bằng, 06 huyện miền núi và 01 huyện đảo; với tổng số 184 xã, phường, thị trấn. Trong đó:

- Có 04 huyện đồng bằng tiếp giáp với biển, với tổng chiều dài bờ biển khoảng 130 km vừa có một tiềm năng to lớn về kinh tế biển nhưng lại vừa tiềm ẩn mối nguy cơ do sóng dữ, xâm thực gây nên tình trạng sạt lở ở ven bờ.

- 06 huyện miền núi của tỉnh chiếm trên 62% diện tích tự nhiên toàn tỉnh là vùng có địa hình tương đối phức tạp, dân cư thưa thớt ít tập trung. Trên một số vùng do biến động địa chất đã xảy ra sạt lở và tiềm ẩn nguy cơ sạt lở làm ảnh hưởng tới tâm lý, đời sống sinh hoạt, tính mạng và tài sản của người dân.

- Đặc biệt, tỉnh có 01 huyện đảo Lý Sơn nằm cách đất liền khoảng 15 hải lý về hướng Đông Bắc. Đây là địa điểm hết sức nhạy cảm với thiên tai trên biển như: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh, hạn hán và nguy cơ rủi ro cao về sóng thần. Đây là địa bàn thường xuyên bị cô lập khi có thiên tai xảy ra nên thường gặp không ít khó khăn, nhất là trong mùa mưa, bão.

Phần đông dân cư sinh sống dọc theo các dòng sông, suối, mạng lưới sông suối phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 04 con sông lớn, có tác động nhiều đến đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội, gồm sông: Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Câu. Tuy nhiên, các sông này có độ dốc tương đối lớn, thời gian tập trung nước nhanh, dòng chảy mạnh nên lũ, lụt, sạt lở thường xuyên xảy ra trong mùa mưa, bão hàng năm.

II. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết xây dựng Phương án

1. Cơ sở pháp lý

Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Nghị định số 139/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão;

Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kế quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

2. Nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống bão

- Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả khẩn trương và hiệu quả.

- Là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, cá nhân chủ động, cộng đồng giúp nhau.

- Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

- Dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện theo sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai.

III. Tổng quan về tình hình thiên tai và thiệt hại trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây

1. Các loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên trên địa bàn tỉnh

a) Bão và áp thấp nhiệt đới

Theo số liệu thống kê, trung bình hàng năm tỉnh Quảng Ngãi có 0,28 cơn bão đổ bộ trực tiếp; nếu xét về mưa và cường độ gió từ cấp 6 trở lên có 1

cơn bão hoặc áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) ảnh hưởng trực tiếp; nếu chỉ xét đơn thuần ảnh hưởng về mưa (gián tiếp và trực tiếp) thì trung bình hàng năm có 4 cơn bão hoặc áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Ngãi. Bão và ATNĐ thường xuất hiện trong thời gian từ tháng V đến tháng XII; trong khoảng 5 năm gần đây, áp thấp nhiệt đới xuất hiện cả trong tháng I, tháng II; bão cũng xuất hiện sớm hơn (trong tháng IV).

Bão và ATNĐ gây ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là các huyện đồng bằng như: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Thành phố Quảng Ngãi và huyện đảo Lý Sơn. Đặc biệt là đối với ngư dân và tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản của tỉnh vì Quảng Ngãi có số lượng tàu thuyền rất lớn (5.464 tàu cá các loại, trong đó có 2.874 chiếc đánh bắt xa bờ) và hoạt động rộng khắp trên các vùng thuộc Biển Đông nên khi có bão, ATNĐ trên Biển Đông hoặc phía Đông Philippin là tàu thuyền và ngư dân của tỉnh phải chịu ảnh hưởng.

b) Lũ, ngập lụt

Ở Quảng Ngãi, thông thường khi có ảnh hưởng kết hợp của bão, ATNĐ, hay dải hội tụ nhiệt đới với gió mùa Đông Bắc, thường có mưa lớn kéo dài gây ra lũ, lụt.

- Tần suất xuất hiện và mức độ tác động: Trung bình mỗi năm, trên các sông lớn thuộc tỉnh Quảng Ngãi có 5-7 đợt lũ lớn trên báo động cấp II. Có những cơn lũ vượt báo động cấp III từ 1 đến 2,6 m; những trận lũ kép kéo dài nhiều ngày gây ngập lụt nghiêm trọng cho vùng thấp trũng ở đồng bằng và ven biển. Lũ, lụt là loại hình thiên tai nguy hiểm nhất, có mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn nhất về dân sinh, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Vùng đồng bằng ngập lũ các hệ thống sông trong tỉnh thuộc các huyện, thành phố: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi có 89 xã thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ, lụt.

c) Lũ quét

Các huyện miền núi của tỉnh gồm: Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ,... là những nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét cao. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp, nhưng rất khốc liệt và gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Lũ quét là loại hình thiên tai hiện nay chưa dự báo được, công tác phòng tránh là hết sức khó khăn.

d) Sạt lở bờ sông, bờ biển

Tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh hiện nay diễn ra khá phức tạp, xảy ra hầu hết trên tất cả các con sông, suối, bờ biển. Tốc độ sạt lở bình quân từ 5 ÷ 10m/năm, có những vùng lên đến hơn 30m/năm (phần lớn là các huyện ven biển và trên 4 hệ thống sông lớn của tỉnh là các sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Trà Câu và Sông Vệ). Tổng chiều dài các đoạn sạt lở là: 139,49 km bờ sông; 29,38 km bờ biển.

e) Sạt lở núi

Sạt lở núi xảy ra hầu hết trên tất cả các huyện miền núi, hiện nay có 75 điểm có nguy cơ sạt lở núi, trong đó có 18 điểm có nguy cơ cao, phân bố ở các huyện: Ba Tơ, Trà Bồng, Tây Trà, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây.

f) Gió mùa Đông Bắc (Không khí lạnh)

Gió mùa Đông Bắc thường ảnh hưởng đến thời tiết Quảng Ngãi từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau. Trung bình hàng năm có 14 đến 15 đợt gió mùa Đông Bắc gây ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh; những đợt gió mùa Đông Bắc tràn về thường kết hợp với nhiễu động nhiệt đới ở phía Nam Biển Đông như bão, áp thấp nhiệt đới, dãy hội tụ nhiệt đới,... gây ra mưa to kéo dài nhiều ngày hình thành những trận lũ lớn, gây ngập lụt nghiêm trọng. Gió mùa Đông Bắc thường ảnh hưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

g) Dông, lốc, sét

Ở Quảng Ngãi, bình quân hàng năm có 85 - 110 ngày có dông, ở vùng núi là nơi xảy ra dông nhiều nhất, ngược lại vùng hải đảo chỉ có khoảng 35 ngày. Năm 2008, có 10 trận dông, lốc lớn, xuất hiện cả gió xoáy mạnh xảy ra vào các tháng 3, 5, 6, 7, 10 và 11. Dông, lốc, sét xảy ra khá thường xuyên hàng năm trên địa bàn các khu vực thuộc tỉnh.

Ngoài ra, cũng có một số loại hình thiên tai khác xuất hiện trên địa bàn tỉnh như: Hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, mưa đá, sương mù, sương muối, gió Tây Nam, rét đậm, rét hại,... và tiềm ẩn nguy cơ sóng thần.

2. Tình hình thiệt hại do thiên tai trong những năm gần đây

Theo thống kê từ năm 2009 - 2013, tỉnh Quảng Ngãi đã chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của 48 cơn bão, 21 đợt áp thấp nhiệt đới; có 21 trận lũ xuất hiện trên các sông thuộc tỉnh. Trong đó, năm 2009 có bão số 9 đổ bộ trực tiếp vào tỉnh; lũ lịch sử trên sông Trà Bồng vào tháng 9/2009; lũ lịch sử trên sông Vệ, Trà Khúc trong đợt lũ từ 14 - 16/11/2013.

Thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây (2009 - 2013) như sau:

- Số người bị chết: 217 người.

- Số người bị thương: 728 người.

- Số nhà cửa (nhà chính, phụ) bị sập đổ, cuốn trôi: 3.201 cái.

- Nhà cửa (chính, phụ) bị tốc mái, hư hỏng: 61.109 cái.

- Tổng thiệt hại về tài sản: 7.254,51 tỷ đồng.

Bảng so sánh thiệt hại do thiên tai về người:

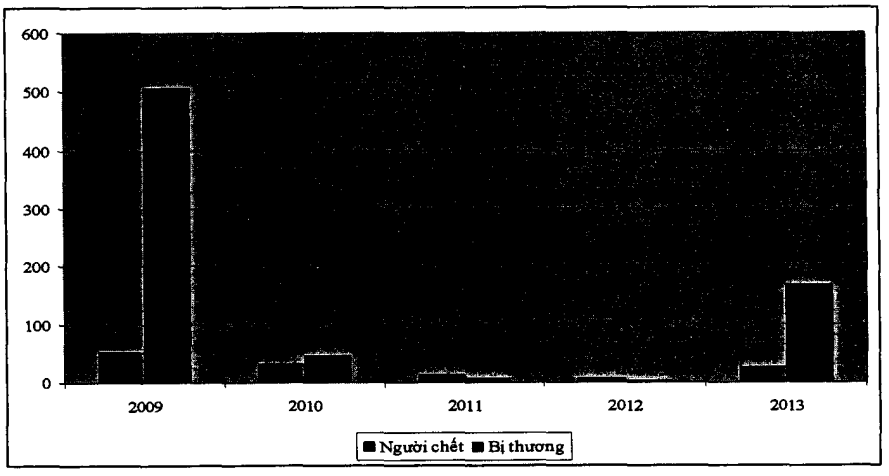

Bảng so sánh thiệt hại về kinh tế:

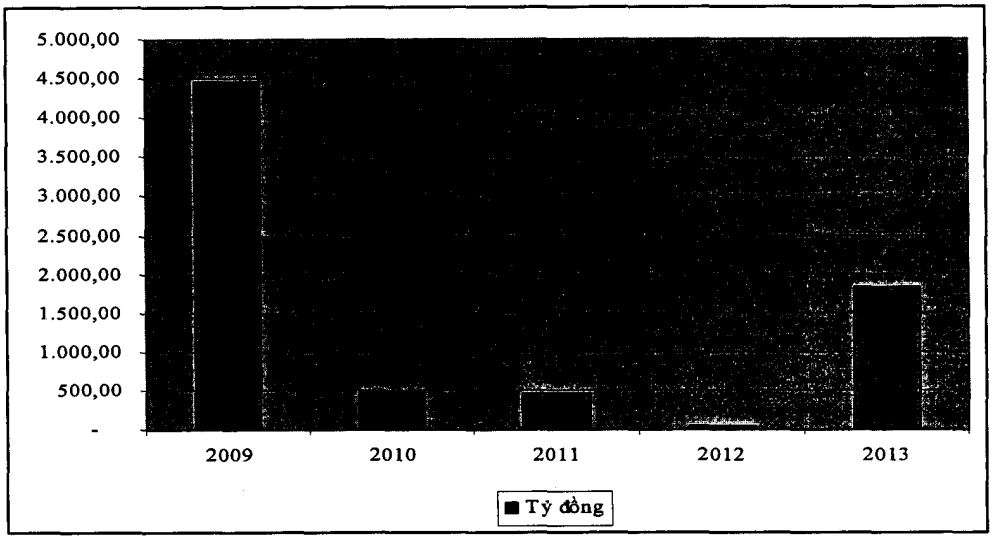

3. Đánh giá cấp rủi ro thiên tai khi có bão mạnh, siêu bão xảy ra

Căn cứ cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Khi có bão mạnh, siêu bão xảy ra, cấp độ rủi ro thiên tai đối với tỉnh Quảng Ngãi được xác định như sau.

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của bão	Khu vực ảnh hưởng
3	Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	- Các huyện bị ảnh hưởng trực tiếp: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi; - Các huyện bị ảnh hưởng

		gián tiếp: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4	- Bão mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định); - Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên biển Đông.	- Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5	Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	- Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

PHẦN II: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG BÃO

I. Công tác chuẩn bị về hành chính

1. Cấp tỉnh

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh kịp thời tổ chức kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ các thành viên, ban hành các văn bản chỉ đạo, bao gồm các văn bản sau:

- Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

- Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Phương án PCTT và TKCN cấp tỉnh và các kế hoạch liên quan;

2. Cấp huyện, xã

- Thực hiện các thủ tục hành chính tương tự như cấp tỉnh về: kiện toàn

tổ chức bộ máy PCTT và TKCN cùng cấp, ban hành phương án PCTT và TKCN của năm trên địa bàn phụ trách, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phương án đã ban hành.

- Trong chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất, 1 người chỉ huy trên 1 địa bàn để thực hiện thống nhất các nội dung phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên trực tiếp.

II. Công tác chuẩn bị về lực lượng

1. Cấp tỉnh

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Cơ quan Thường trực Tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức nắm thông tin thiên tai; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, sẵn sàng huy động tham gia ứng phó các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên sông, đất liền thuộc địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Cơ quan Thường trực Tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển, đảo. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức nắm thông tin thiên tai; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, sẵn sàng huy động tham gia ứng phó các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển, đảo theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Công an tỉnh và các lực lượng khác (Tỉnh Đoàn, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh,...) chủ động tham gia hỗ trợ công tác phòng tránh, ứng phó và cứu hộ, cứu nạn tại khu vực bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra theo chỉ đạo, điều động của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

2. Cấp huyện, xã

- Huy động lực lượng quân sự, công an, biên phòng, dân quân tự vệ, đoàn thanh niên,... tại địa phương theo thẩm quyền.

- Thành lập và sử dụng Đội xung kích cứu hộ, cứu nạn của địa phương (kiện toàn hàng năm).

- Huy động các lực lượng khác tham gia công tác PCTT và TKCN tại địa phương theo thẩm quyền.

III. Công tác chuẩn bị về vật tư, phương tiện

(Cụ thể có phụ lục 1 kèm theo)

IV. Hiện trạng các vị trí neo trú tàu thuyền của tỉnh

TT	KHU VỰC NEO ĐẬU	NĂNG LỰC
1	Mỹ Á	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 500 CV/chiếc
2	Sa Huỳnh	Sức chứa 500 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
3	Sa Kỳ - Cổ Lũy	Sức chứa 700 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
4	Sa Cần	Sức chứa 250 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
5	Lý Sơn	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
6	Tịnh Hòa	Sức chứa 300 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc

Tổng số lượng tàu thuyền có thể neo đậu tại các vị trí trên: 2.550 chiếc.

V. Công tác triển khai ứng phó theo các cấp độ rủi ro của bão

1. Đối với cấp độ rủi ro 3 và 4

1.1. Khi bão hoạt động trên biển Đông

1.1.1. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh, ứng phó với bão.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú bão.

- Yêu cầu các địa phương hướng dẫn, kiểm tra nhân dân chằng chống nhà cửa, phát dọn cây cối, thu hoạch mùa màng, thu dọn lồng bè,...

- Chủ động phương án phòng, chống lũ do mưa, bão có thể gây ra.

- Sẵn sàng kế hoạch sơ tán dân.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ.

1.1.2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chỉ đạo các Đài canh TKCN trực thuộc phối hợp cùng các gia đình

chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực ảnh hưởng của bão, ATNĐ hoặc gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh trú bão.

- Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

1.1.3. Các huyện ven biển, huyện Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi

- Phối hợp với các Đài canh TKCN của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến bão, ATNĐ. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của bão, ATNĐ để chủ động phòng, tránh.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra nhân dân chằng chống nhà cửa, phát dọn cây cối, thu hoạch nông sản,...

- Các huyện ven biển phải chủ động đề phòng lũ xảy ra, sẵn sàng phương án phòng, chống lũ do mưa, bão có thể gây ra.

- Phân công kiểm tra, đôn đốc cấp xã tại hiện trường (ở từng xã).

- Triển khai sơ tán nhân dân ở những vùng xung yếu, những hộ dân có nhà ở yếu, tạm bợ,... đến nơi an toàn.

- Thu dọn lồng bè nuôi trồng thủy sản.

1.2. Khi bão có khả năng hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh: Quảng Nam, Bình Định:

Thực hiện các nội dung phòng ngừa, ứng phó với như ở tình huống trên và triển khai thêm các nhiệm vụ sau:

- Cấm tất cả các tàu, thuyền ra biển nếu bão hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận.

- Yêu cầu tất cả tàu thuyền vào nơi neo đậu an toàn. Tuyệt đối không để người ở lại trên các phương tiện, tàu, thuyền tại các bến neo đậu.

- Tổ chức sơ tán nhân dân đến các công trình kiên cố (trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế,...) trước khi bão đổ bộ vào đất liền.

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán.

- Chằng, chống, bảo vệ các công trình trên cảng biển, các khu công nghiệp, các trụ ăng ten,...

- Kiểm soát chặt chẽ an toàn hồ chứa nước, công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê sông, đê biển,...

- Tổ chức lực lượng ứng trực sẵn sàng triển khai cứu trợ, cứu hộ - cứu nạn, sơ cứu - cấp cứu,...

- Theo dõi, báo cáo kịp thời các tình huống phức tạp cần sự trợ giúp từ cấp trên để xử lý, ứng phó.

Một số nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị liên quan như sau:

1.2.1. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tiếp nhận, tham mưu triển khai chỉ đạo của Trung ương.

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy tiền phương tại địa bàn có nguy cơ bão đổ bộ.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống bão.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo Chủ các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện triển khai phương án PCTT đảm bảo an toàn đập và an toàn cho nhân dân vùng hạ du công trình; chú trọng đến các hồ chứa, công trình đê điều xung yếu.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan KTTV, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến của bão đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

- Phối hợp với các địa phương rà soát, thống kê cụ thể số lượng người cần di dời, sơ tán, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

- Phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân tổ chức phòng, tránh bão.

1.2.2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Triển khai các biện pháp kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền khẩn trương di chuyển tránh, trú bão; đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tại nơi neo đậu.

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền và ngư dân đang di chuyển tránh bão.

1.2.3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng thiên tai.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ các đơn vị liên quan ứng phó sự cố công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều.

1.2.4. Công an tỉnh

- Bố trí các lực lượng, chỉ đạo Công an các huyện, thành phố tổ chức chốt chặn và hướng dẫn người, phương tiện qua lại tại các khu vực ngầm, tràn. Chủ động cấm người, phương tiện qua lại tại các khu vực bị ngập sâu, nước chảy xiết. Cấm các phương tiện thuyền, đò lưu thông trên sông khi có bão, lũ.

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Tham gia ứng cứu sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều khi có yêu cầu từ Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

1.2.5. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

Tổ chức PCTT và TKCN theo phương án đã được lập. Trong đó, lưu ý các nội dung quan trọng như sau:

- Tổ chức sơ tán tất cả các hộ dân có nhà ở yếu, tạm bợ; các hộ dân ở những khu vực vùng trũng, thấp, vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng nguy cơ sạt lở đất, núi, bờ sông, bờ biển đến các công trình kiên cố, an toàn hơn.

- Thông báo thường xuyên tình hình diễn biến thiên tai đến từng cộng đồng dân cư (kể cả truyền thanh lưu động). Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đảm bảo nhân dân nhận được thông tin về diễn biến thiên tai.

- Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuộc men cần thiết để cứu trợ nhân dân trong vùng.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện của địa phương và hỗ trợ nhân dân vùng thiên tai trong việc di dời, sơ tán phòng, tránh thiên tai.

- Chỉ đạo các cơ quan, trường học, trạm y tế tại địa phương tại điều kiện cho nhân dân đến trú, tránh thiên tai.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập thủy lợi, thủy điện; đặc biệt là các công trình xuống cấp, xung yếu, các công trình đang thi công dở dang.

- Tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

- Tổng hợp tình hình thiệt hại tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

1.2.6. Các Sở, ngành, Hội Đoàn thể tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức phòng, chống bão cho cơ

VII. Phương án cứu hộ, cứu nạn trên sông, đất liền

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Bổ sung phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trong Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng năm. Trong đó lưu ý:

- Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phân công cụ thể các lực lượng trên các địa bàn, đặc biệt là các khu vực dễ bị chia cắt, cô lập để chủ động ứng phó các tình huống.

- Trước khi bão đổ bộ, huy động lực lượng phương tiện giúp chính quyền và nhân dân địa phương chằng chống nhà cửa, phát tỉa cây cối,..., sơ tán, di dời người và tài sản đến nơi an toàn.

- Trong và sau bão, huy động lực lượng, phương tiện tham gia cứu trợ; chủ trì tổ chức công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; giúp chính quyền và nhân dân địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

(Cụ thể có kế hoạch chi tiết của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh).

2. Công an tỉnh:

Bổ sung phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trong Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng năm. Đồng thời lưu ý các nhiệm vụ chuẩn bị, huy động lực lượng, phương tiện phối hợp cùng lực lượng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ cứu trợ, tìm kiến cứu hộ, cứu nạn; hỗ trợ chính quyền và nhân dân phòng, chống và khắc phục hậu quả do bão gây ra.

(Cụ thể có kế hoạch chi tiết của Công an tỉnh).

VIII. Phương án di dời, sơ tán dân phòng tránh bão

Phương án di dời, sơ tán dân dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

- Phòng tránh tác hại của gió mạnh.

- Phòng tránh ngập lụt do nước dâng do bão gây ra *(trên cơ sở bản đồ ngập lụt do bão mạnh, siêu bão được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp).*

- Di chuyển tất cả người dân có nhà ở từ cấp 4A trở xuống đến nơi an toàn hơn. Các xã ven biển phải di dời 100% dân cư để đề phòng nước dâng quá lớn (dạng sóng thần) kết hợp triều cường.

- Chỉ huy sơ tán dân cho Chủ tịch UBND xã đảm nhiệm, ở các thôn do Trưởng thôn trực tiếp điều hành.

- Lực lượng giúp dân sơ tán là lực lượng tại chỗ của xã và lực lượng hỗ trợ từ huyện, tỉnh.

1. Cấp độ 3 không có nước dâng kết hợp triều cường lớn trong bão:

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **10.070 hộ/ 35.804 khẩu**. Trong đó:

- Huyện Sơn Tịnh: 349 hộ/ 1.147 khẩu.

- Huyện Tư Nghĩa: 1.858 hộ / 6.629 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 990 hộ/ 3.791 khẩu.
- Huyện Đức Phổ: 2.421 hộ/ 7.710 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 250 hộ/ 774 khẩu.
- Huyện Minh Long: 218 hộ/ 577 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 158 hộ/ 566 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 2.101 hộ/ 7.595 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 1.566 hộ/ 6.460 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 159 hộ/ 555 khẩu.

2. Cấp độ 4 có nước dâng (dạng sóng thần) kết hợp triều cường lớn trong bão:

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **50.103 hộ/ 188.560 khẩu**. Trong đó:

- Huyện Bình Sơn: 12.754 hộ/ 46.030 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 572 hộ/ 2.025 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 2.133 hộ/ 7.422 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 3.128 hộ/ 17.009 khẩu.
- Huyện Đức Phổ: 3.656 hộ/ 12.560 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 250 hộ/ 774 khẩu.
- Huyện Minh Long: 1.792 hộ/ 6.397 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 174 hộ/ 639 khẩu.
- Tp. Quảng Ngãi: 14.109 hộ/ 52.588 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 8.129 hộ/ 29.071 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 241 hộ/ 949 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 1.566 hộ/ 6.460 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 279 hộ/ 1.068 khẩu.
- Huyện Tây Trà 1.320 hộ/ 5.568 khẩu.

3. Cấp độ 5 - Siêu bão, có nước dâng (dạng sóng thần) kết hợp triều cường lớn trong bão:

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **113.510 hộ/ 389.044 khẩu**. Trong đó:

- Huyện Bình Sơn: 22.168 hộ/ 80.895 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 1.068 hộ/ 4.101 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 2.433 hộ / 8.563 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 10.304 hộ/ 45.223 khẩu.

- Huyện Đức Phổ: 21.975 hộ/ 74.175 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 250 hộ/ 774 khẩu.
- Huyện Minh Long: 1.792 hộ/ 6.397 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 194 hộ/ 719 khẩu.
- Tp Quảng Ngãi: 34.942 hộ/ 97.671 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 10.338 hộ/ 38.249 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 241 hộ/ 949 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 1.566 hộ/ 6.460 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 4.919 hộ/ 19.300 khẩu.
- Huyện Tây Trà 1.320 hộ/ 5.568 khẩu.

(Số liệu chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

4. Sơ tán dân xung quanh các trạm BTS, trạm thu, phát sóng.

Số lượng dân cư ở xung quanh **535 trạm** BTS, trạm thu, phát sóng phải di dời, sơ tán khi có gió bão mạnh trên **cấp 11** là: **4.106 hộ/ 14.769 khẩu**. Trong đó:

- Huyện Bình Sơn: 415 hộ/ 1.509 khẩu/ 100 trạm.
- Huyện Sơn Tịnh: 276 hộ/ 1.197 khẩu/ 56 trạm.
- Huyện Tư Nghĩa: 819 hộ/ 2.620 khẩu/ 63 trạm.
- Huyện Mộ Đức: 523 hộ/ 2.081 khẩu/ 66 trạm.
- Huyện Đức Phổ: 1.114 hộ/ 3.560 khẩu/ 107 trạm.
- Huyện Ba Tơ: 75 hộ/ 335 khẩu/ 04 trạm.
- Huyện Nghĩa Hành: 85 hộ/ 270 khẩu/ 28 trạm.
- Tp Quảng Ngãi: 568 hộ/ 2.348 khẩu/ 63 trạm.
- Huyện Sơn Hà: 54 hộ/ 241 khẩu/ 22 trạm.
- Huyện Sơn Tây: 26 hộ/ 93 khẩu/ 09 trạm.
- Huyện Trà Bồng: 106 hộ/ 339 khẩu/ 12 trạm.
- Huyện Lý Sơn: 45 hộ/ 176 khẩu/ 05 trạm.

IX. Tổ chức thực hiện

Các địa phương, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật phòng, chống thiên tai và Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai. Trong đó:

1. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Hàng năm, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, đơn vị rà soát, hoàn chỉnh lại phương án di dời, sơ tán dân cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Quảng Ngãi theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN hằng năm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Trung ương Phòng chống thiên tai bổ sung trang thiết bị cần thiết cho tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã Hội, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy lợi khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và ở nơi trú tránh khi có thiên tai trên biển xảy ra.

3. Sở Công Thương

Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc, xử lý các tình huống khẩn cấp theo quy định tại Quyết định số 1463/QĐ-TTg ngày 21/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và công tác xử lý sự cố môi trường do thiên tai gây ra.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh tổ chức công tác cứu hộ, cứu nạn các phương tiện, tàu thuyền và ngư dân bị gặp nạn trên biển.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thên tai theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thên tai theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền.

7. Công an tỉnh

Huy động lực lượng của đơn vị hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thên tai theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

8. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

- Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra, xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương; trong đó phải cập nhật, hoàn thiện phương án di dời, sơ tán dân phù hợp với từng cấp độ rủi ro thiên tai và điều kiện dân sinh và cơ sở hạ tầng của địa phương.

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương (quy định tại Điều 7 và khoản 3, điều 8 của Nghị định số 66/20144/NĐ-CP)

9. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách tỉnh, phân bổ cho các địa phương, đơn vị thực hiện việc phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh hàng năm cho các cơ quan, đơn vị thường trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

11. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành liên quan hướng dẫn xác định nhà an toàn phòng, chống các cấp bão để di dời, sơ tán dân an toàn.

12. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão năm 2015 của tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Phụ lục 1:

Trang thiết bị hiện có phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và TKCN

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	THỰC LỰC						Ghi chú
				Trang thiết bị hiện có	Chất lượng					
					1	2	3	4	5	
A	**BẢNG TỔNG HỢP**									
1	Xe cứu hộ các loại	chiếc	DTQG:5	5	2		3			
2	Xe chữa cháy	chiếc	DTQG:17	17	5	3	6	3		
3	Xe ô tô tự cẩu	chiếc	UBQG:1	1			1			
4	Tàu TKCN	chiếc	DTQG:1	1		1				
5	Ca nô	chiếc	UBQG:4; DTQG:27; VT:3	34	7	20	7			
6	Xuồng máy	chiếc	UBQG: 10 VT:50	60		40	12	6	2	
7	Xuồng các loại khác	chiếc	DTQG:22	22		10	6	6		
8	Ghe chèo tay	chiếc	VT:66	66		66				
9	Thiết bị đèn chiếu sáng CĐ	bộ	DTQG:2; MS:5	7	2	3	2			
10	Đèn cứu hộ	bộ	DTQG:14	14	7	7				
11	Nhà bạt 16,5 m2	bộ	DTQG:15; VT:17	32	8	18	3	1	2	
12	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:25; UBQG:8	33	13	5	6		9	
13	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:22; UBQG:10	32	10	4	10		8	
14	Nhà bạt các loại khác	bộ	DTQG:66; MS:13; VT:1	80	17	51	11	1		
15	Tấm bạt nhựa	tấm	VT:74	74		74				
16	Phao áo	chiếc	DTQG:3709; UBQG:290; MS:2; VT:1988	5989	650	1742	3122	250	225	
17	Phao tròn	chiếc	DTQG:2508; UBQG:393; VT:1305	4206	1731	1391	592	195	297	
18	Phao bè	chiếc	DTQG:54; UBQG:4	58	27	14	13	1	3	
19	Dây thừng	mét	MS:1600	1600	600	300	700			
20	Túi dây nilông	túi	VT:274	274		253			21	
21	Loa cầm tay	cái	MS:6; VT:114	120		118			2	
22	Máy cưa	chiếc	MS:16;VT:21; DTQG:6	43	1	28	12		2	
23	Dao chặt cây	cái	MS:4	7		3	4			
	Rựa	cái	MS:65	65		21			44	
24	Máy ảnh	cái	MS:2	2		1	1			
25	Ống dòm	cái	MS:1	1					1	

26	Đèn pin sạc	cái	VT:810; MS:2	812		810			2	
27	Cự mã (chữ A)	cái	MS:42	42			42			
28	Máy phát điện	cái	VT:22; DTQG:29; MS:37	88	30	22	13	21	2	
29	Máy fax	cái	MS:1	3			2		1	
30	Máy Icom	bộ	DTQG:4	4			4			
31	Máy định vị	chiếc	MS:1	1	1					
32	Máy bơm nước	chiếc	MS:6	6	2	2	2			
33	Máy bộ đàm các loại	bộ	DTQG:10	10		10				
34	Đài radio	cái	VT:109	109		109				
35	Bình cứu hỏa	bình	MS:125; VT:162	287		247	36	4		
36	Máy bơm cứu hỏa	cái	MS:18	18	3	11	3	1		
37	Vòi chữa cháy	cái	MS:9	9		5	4			
38	Lăng chữa cháy	cái	MS:4	4			4			
39	Tiêu lệnh, biển báo PCCC	cái	MS:2	2			2			
40	Bể chứa cát	cái	MS:2	2			2			
41	Cuốc	cái	MS:60; UBQG:10	70		25			45	
42	Xẻng xúc cát	cái	MS:52; UBQG:10	62		5	2		55	
43	Xô xúc cát	cái	MS:2	2			2			
44	Xà ben	cái	MS:16	16					16	
45	Dây dừa	cuộn	MS:4	4			4			
46	Thang nhôm	cái	MS:1	1		1				
47	Trạm cứu hộ	cái	VT:4	4	1		3			
48	Mũ bảo hộ lao động	cái	VT:757	757		757				
49	Ủng đi mưa	cái	VT:320	320		320				
50	Áo mưa bộ	bộ	VT:810	810		810				
51	Túi sơ cấp cứu	túi	VT:197	197	197					
52	Cán cứu thương	cái	VT:10	10		10				
II	**BẢNG DIỄN GIẢI**									
A	**Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể**									
I	**Công an tỉnh**									
1	Xe cứu hộ các loại	chiếc	DTQG:5	5	2		3			
2	Xe chữa cháy	chiếc	DTQG:17	17	5	3	6	3		
3	Tàu thủy	chiếc	DTQG:1	1			1			
4	Ca nô các loại	chiếc	DTQG:27; VT:1	28	7	16	5			
5	Thiết bị đèn chiếu sáng CĐ	bộ	DTQG:2	2	2					
6	Đèn cứu hộ	bộ	DTQG:14	14	7	7				
7	Máy phát điện	cái	DTQG:26	26	10	13	3			
8	Máy cưa cầm tay	cái	DTQG:4	4		4				
9	Nhà bạt các loại	bộ	DTQG:59	59	14	43	2			
10	Phao áo	chiếc	DTQG:631	631	219	314	98			
11	Phao tròn	chiếc	DTQG:212	212	142	47	23			

12	Phao bè	chiếc	DTQG:13	13	13					
II	**BCH Bộ đội biên phòng tỉnh**									
1	Xuồng máy các loại	chiếc	UBQG:3	3				1	2	
2	Xe ô tô tự cẩu	chiếc	UBQG:1	1				1		
3	Máy cưa cầm tay các loại	cái	DTQG:2	2			2			
4	Máy phát điện	chiếc	DTQG:2	2			1		1	
5	Máy bộ đàm các loại	bộ	DTQG:10	10		10				
III	**Sở Giáo dục và ĐT**									
1	Phao áo	chiếc	DTQG:100	100	100					
2	Phao tròn	chiếc	DTQG:100	100	100					
IV	**Sở Lao động -TB-XH**									
1	Bình cứu hỏa	cái	MS:125	125		85	36	4		
2	Máy phát điện	cái	MS:2	2		2				
3	Máy bơm cứu hỏa	cái	MS:18	18	3	11	3	1		
4	Vòi chữa cháy	cái	MS:9	9		5	4			
5	Lăng chữa cháy	cái	MS:2	2			2			
6	Tiêu lệnh, biển báo PCCC	cái	MS:2	2			2			
7	Bể chứa cát	cái	MS:2	2			2			
8	Rựa	cái	MS:4	4		4				
9	Cuốc	cái	MS:8	8		8				
10	Ủng	đôi	MS:7	7		7				
11	Đèn pin	cái	MS:4	4		4				
12	Cưa	cái	MS:2	2		2				
13	Mũ bảo hộ	cái	MS:10	10		10				
14	Bạt	tấm	MS:4	4		4				
15	Thang nhôm	cái	MS:1	1		1				
V	**Sở Giao thông vận tải**									
1	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:1	1	1					
2	Nhà bạt các loại khác	bộ	DTQG:9	9			9			
3	Phao tròn	chiếc	DTQG:139	139	67	3	69			
4	Phao áo	chiếc	DTQG:204	204	69	80	47		8	
5	Máy bơm nước	cái	MS:4	4		2			2	
6	Máy cưa cầm tay	cái	MS:4	4				4		
7	Máy phát điện	cái	MS:1	1						
VI	**Tỉnh đoàn**									
1	Phao áo	chiếc	DTQG:11	11		11				
2	Phao tròn	chiếc	DTQG:20	20	20					
VII	**Hội chữ thập đỏ tỉnh**									
1	Nhà bạt	bộ	VT:1	1				1		
2	Phao tròn cứu sinh	chiếc	VT:1023	1023	970		35	18		

3	Áo phao cứu sinh	chiếc	VT:1908	1908			1868	40		
4	Máy phát điện	cái	VT:17	17	10		6		1	
5	Trạm cứu hộ	cái	VT:4	4	1		3			
6	Ca nô	cái	VT:2	2			2			
7	Ghe máy	cái	VT:26	26		21	5			
8	Ghe chèo tay	chiếc	VT:66	66		66				
8	Túi dây ni lông	túi	VT:274	274		253			21	
9	Đèn pin sạc	cái	VT:810	810		810				
10	Đài radio	cái	VT:109	109		109				
11	Loa cầm tay	cái	VT:114	114		114				
12	Mũ bảo hộ lao động	cái	VT:757	757		757				
13	Tấm bạt nhựa	cái	VT:74	74		74				
14	Ủng đi mưa	cái	VT:320	320		320				
15	Áo mưa bộ	bộ	VT:810	810		810				
16	Túi sơ cấp cứu	túi	VT:197	197	197					
17	Máy cưa	cái	VT:16	16		16				
18	Cán cứu thương	cái	VT:10	10		10				
19	Bình cứu hỏa	bình	VT:162	162		162				
B	**Các huyện, thành phố**									
I	**Huyện Bình Sơn**									
1	Nhà bạt 16,5 m2	bộ	DTQG:2	2		2				
2	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:2	2		2				
3	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:1	1		1				
4	Phao áo	chiếc	DTQG:320	320		200	120			
5	Phao tròn	chiếc	DTQG:447	447		247	200			
6	Phao bè	chiếc	DTQG:6	6		1	5			
7	Máy Icom các loại	bộ	DTQG:4	4			4			
8	Máy phát điện	chiếc	MS:1	1			1			
II	**Huyện Sơn Tịnh**									
1	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:5	5	5					
2	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:4	4	4					
3	Phao áo	chiếc	DTQG:40	40	40					
4	Phao tròn	chiếc	DTQG:55	55	55					
5	Phao bè	chiếc	DTQG:8	8	8					
III	**Huyện Tư Nghĩa**									
1	Xuồng các loại	chiếc	DTQG:12	12			6	6		
2	Nhà bạt 16,5 m2	bộ	DTQG:4	4		4				
3	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:3	3		3				
5	Phao áo	chiếc	DTQG:350	350			200	150		
6	Phao tròn	chiếc	DTQG:200	200			200			
7	Phao bè	chiếc	DTQG:3	3			3			

8	Máy phát điện	chiếc	MS:19	19				19		
IV	**Huyện Nghĩa Hành**									
1	Xuồng các loại	bộ	VT:26	26		15	8		3	
2	Nhà bạt 16,6m^2	bộ	VT:8	8		8				
3	Phao áo cứu sinh	chiếc	DTQG và VT:613	613	10	552	51			
4	Phao tròn cứu sinh	chiếc	DTQG và VT:389	389	8	344	37			
5	Phao bè	chiếc	DTQG:1	1		1				
6	Máy cưa cầm tay	chiếc	VT:4	4		4				
7	Máy phát điện 5KW	cái	MS:7	7	7					
V	**Huyện Mộ Đức**									
1	Nhà bạt các loại	bộ	DTQG:3	3	3					
2	Phao áo	chiếc	DTQG:55; MS:2	57	55				2	
3	Phao tròn	chiếc	DTQG:34	34	34					
4	Phao bè	chiếc	DTQG:2	2	2					
5	Dây thừng	mét	MS:600	600	600					
6	Loa cầm tay	cái	MS:2	2		2				
7	Ống dòm	cái	MS:1	1					1	
8	Máy ảnh	cái	MS:1	1		1				
9	Máy phát điện	cái	VT:1	1			1			
10	Máy fax	cái	MS:1	1			1			
VI	**Huyện Đức Phổ**									
1	Nhà bạt 60 m^2	bộ	UBQG:2	2	2					
2	Nhà bạt các loại khác	bộ	UBQG:4	4		4				
3	Phao áo cứu sinh	chiếc	DTQG:420	420		420				
4	Phao tròn cứu sinh	chiếc	DTQG:570	570		570				
5	Phao bè	chiếc	DTQG:4	4		4				
6	Ca nô	chiếc	UBQG:4	4		4				
7	Thuyền máy	chiếc	UBQG:4	4		4				
VII	**Huyện Sơn Tây**									
1	Nhà bạt 16,5 m2	bộ	VT:9	9	5	4				
2	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:9	9	7				2	
3	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:2	2	2					
4	Phao áo	chiếc	DTQG:55; VT:80	135	55	45			35	
5	Phao tròn	chiếc	DTQG:55; VT:105	160	135	20			5	
6	Cưa máy cầm tay	chiếc	MS:3	3		3				
7	Máy phát điện	chiếc	VT:5	5		5				
8	Dây thừng	mét	MS:300	300		300				
VIII	**Huyện Sơn Hà**									

1	Xuồng các loại	chiếc	DTQG:8	8		8				
2	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:2	2			2			
3	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:6	6			6			
4	Phao áo	chiếc	DTQG:140	140			140			
5	Phao tròn	chiếc	DTQG:110	110		110				
6	Phao bè	chiếc	DTQG:3	3		3				
7	Máy cưa cầm tay	chiếc	MS:1	1			1			
8	Máy phát điện	chiếc	MS:1	1			1			
9	Máy fax	chiếc	MS:1	1					1	
IX	**Huyện Ba Tơ**									
1	Nhà bạt 60 m2	bộ	UBQG:6	6			1		5	
2	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	UBQG:7	7			1		6	
3	Nhà bạt 60 m2	bộ	UBQG:4	4	4					
4	Phao áo	chiếc	UBQG:150	150		20			130	
5	Phao tròn	chiếc	UBQG:220	220		20			200	
6	Phao bè	chiếc	UBQG:4	4		1			3	
7	Máy phát điện	chiếc	MS:1	1			1			
8	Máy fax	chiếc	MS:1	1			1			
X	**Huyện Minh Long**									
1	Xuồng các loại	chiếc	DTQG:2	2		2				
2	Nhà bạt 16,6m2	chiếc	DTQG:3	3	3					
3	Nhà bạt 24,75m2	chiếc	DTQG:1	1	1					
4	Nhà bạt 60,m2	chiếc	DTQG:2	2	2					
5	Phao áo cứu sinh	chiếc	DTQG:158	158	58	100				
6	Phao tròn cứu sinh	chiếc	DTQG:150	150	100	50				
7	Phao bè	chiếc	DTQG:7	7	2	5				
8	Máy bơm nước	chiếc	MS:2	2	2					
9	Máy phát điện 5kw	chiếc	MS:3	3		2		1		
XI	**Huyện Tây Trà**									
1	Nhà bạt 16,6m2	chiếc	DTQG:3	3				1	2	
2	Nhà bạt 24,75m2	chiếc	DTQG:1	1					1	
3	Nhà bạt 60,m2	chiếc	DTQG:4	4		3			1	
4	Phao áo cứu sinh	chiếc	DTQG:140	140	30			60	50	
5	Phao tròn cứu sinh	chiếc	DTQG:170	170	50		28		92	
6	Rựa	cái	MS:65	65		21			44	
7	Xà beng	cái	MS:16	16					16	
8	Máy cưa	cái	MS:1	1		1				
9	Đèn pin	cái	MS:2	2					2	
10	Đèn khẩn cấp	cái	MS:5	5		3	2			
11	Loa phóng thanh	cái	MS:4	4		2			2	
12	Cuốc	cái	MS:60; UBQG:10	70		25			45	
13	Xẻng	cái	MS:50; UBQG:10	60		5			55	

14	Canh đựng xăng	cái	UBQG:10	10					10	
15	Máy fax	cái	UBQG:1	1				1		
16	Máy phát điện	cái	UBQG:1	1				1		
XII	**Huyện Trà Bồng**									
1	Nhà bạt 60 m2	chiếc	DTQG:1	1	1					
2	Máy phát điện	chiếc	MS:1	1	1					
3	Máy cưa cầm tay	chiếc	MS:1	1	1					
4	Máy định vị	chiếc	MS:1	1	1					
5	Phao bè	chiếc	DTQG:2	2	2					
6	Phao áo	chiếc	DTQG:30	30	30					
7	Phao tròn	chiếc	DTQG:14	14	14					
XIII	**Huyện Lý Sơn**									
1	Phao áo	chiếc	DTQG:28	28			28			
2	Dây neo	mét	MS:700	700			700			
3	Máy cưa cầm tay	chiếc	MS:1	1			1			
4	Máy phát điện	chiếc	MS:1	1	1					
XIV	**Thành phố Quảng Ngãi**									
1	Xuồng máy	chiếc	TKCN: 3 VT:1	4			4			
2	Nhà bạt 16,5 m2	bộ	DTQG:3	3			3			
3	Nhà bạt 24,75 m2	bộ	DTQG:3	3			3			
4	Nhà bạt 60 m2	bộ	DTQG:3	3			3			
6	Phao áo	chiếc	DTQG:570	570			570			
7	Phao tròn	chiếc	DTQG:512	512			512			
8	Phao bè	chiếc	DTQG:5	5			5			
9	Máy cưa	chiếc	MS:4	4			4			
10	Dao chặt cây	cái	MS:4	4			4			
11	Máy ảnh	cái	MS:1	1			1			
12	Cự mã (chữ A)	cái	MS:42	42			42			

*** Ghi chú:** Nguồn dự trữ Quốc gia (DTQG); Nguồn Ủy ban Quốc gia TKCN (UBQG); Nguồn tự mua sắm (MS); Nguồn viện trợ, ủng hộ (VT),...

*** Quy định về phân cấp chất lượng:**

Cấp 1: là phương tiện, trang thiết bị chưa qua sử dụng, hiện vẫn niêm cất, bảo quản trong kho.

Cấp 2: là phương tiện, trang thiết bị mới đưa vào sử dụng, chưa qua sửa chữa lớn

Cấp 3: là phương tiện, trang thiết bị đang đưa vào sử dụng, hay gặp hư hỏng nhỏ hoặc đã qua sửa chữa lớn

Cấp 4: là phương tiện, trang thiết bị đang bị hư hỏng nặng, chưa sử dụng được chờ khắc phục, sửa chữa

Cấp 5: là phương tiện, trang thiết bị hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được, chờ thanh lý.

Phụ lục 2:

KẾ HOẠCH DI DỜI, SƠ TÁN DÂN KHI CÓ BÃO ĐỔ BỘ KẾT HỢP NƯỚC DÂNG, TRIỀU CƯỜNG

(Kèm theo phương án phòng, chống bão mạnh, siêu bão của tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12-15, kết hợp triều cường, nước dâng)		Cấp độ ≥ 5 (Siêu bão kết hợp triều cường, nước dâng)	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
	Tổng cộng:	**10.070**	**35.804**	**50.103**	**188.560**	**113.510**	**389.044**
I	**Huyện Bình Sơn**		**-**	**12.754**	**46.030**	**22.168**	**80.895**
1	Thị Trấn Châu Ổ			257	950	257	950
2	Xã Bình Trị			909	3.182	1.651	5.780
3	Xã Bình Phú			360	1.260	500	1.750
4	Xã Bình Phước			462	1.522	462	1.522
5	Xã Bình Thanh Đông			65	228	65	228
6	Xã Bình Hòa			250	875	250	875
7	Xã Bình Mỹ			250	875	250	875
8	Xã Bình Tân			566	2.138	566	2.138
9	Xã Bình Chương			504	1.865	504	1.865
10	Xã Bình Thanh Tây			100	450	100	450
11	Xã Bình Minh			630	2.205	630	2.205
12	Xã Bình Đông			715	2.503	2.377	8.320
13	Xã Bình Dương			175	613	175	613
14	Xã Bình Thạnh			1.955	7.521	2.716	10.450
15	Xã Bình Nguyên			175	442	175	442
16	Xã Bình Chánh			615	2.153	3.391	11.870
17	Xã Bình Long			400	1.400	400	1.400
18	Xã Bình Hiệp			360	1.485	360	1.485
19	Xã Bình Châu			748	3.290	2.578	11.342
20	Xã Bình An			51	179	51	179
21	Xã Bình Khương			200	325	200	325
22	Xã Bình Thới			95	380	95	380
23	Xã Bình Trung			592	2.072	592	2.072
24	Xã Bình Thuận			320	1.120	1.823	6.380
25	Xã Bình Hải			2.000	7.000	2.000	7.000
II	**Huyện Sơn Tịnh**	**349**	**1.147**	**572**	**2.025**	**1.068**	**4.101**
1	Xã Tịnh Minh	117	254	117	254	117	254
2	Xã Tịnh Bắc	95	347	154	534	154	534
3	Xã Tịnh Sơn	112	443	112	443	112	443
4	Xã Tịnh Hà	25	103	189	794	685	2.870
III	**Huyện Tư Nghĩa**	**1.858**	**6.629**	**2.133**	**7.422**	**2.433**	**8.563**
1	Xã Nghĩa Trung	27	80	27	80	27	80
2	Xã Nghĩa Sơn	266	1.010	266	1.010	266	1.010
3	Xã Nghĩa Thuận	54	99	54	99	54	99
4	Xã Nghĩa Thọ	11	40	11	40	11	40
5	Xã Nghĩa Thương	26	84	26	84	26	84
6	Xã Nghĩa Kỳ	113	113	254	442	293	598
7	Xã Nghĩa Lâm	158	673	186	766	241	961
8	Xã Nghĩa Thắng	934	3.617	934	3.617	934	3.617
9	TT Sông Vệ	217	800	281	1.071	442	1.720
10	Xã Nghĩa Hiệp	52	113	94	213	139	354

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12-15, kết hợp triều cường, nước dâng)		Cấp độ ≥ 5 (Siêu bão kết hợp triều cường, nước dâng)	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
IV	**Huyện Mộ Đức**	**990**	**3.791**	**3.128**	**17.009**	**10.304**	**45.223**
1	Xã Đức Minh	607	2.379	607	2.379	1.401	5.462
2	Xã Đức Thắng	79	310	330	1.437	1.380	5.940
3	Xã Đức Tân	102	348	102	348	127	388
4	Xã Đức Hiệp	53	141	80	236	293	863
5	Xã Đức Lợi	149	613	149	613	1.428	5.870
6	Xã Đức Hòa	-	-	375	3.783	534	4.262
7	Xã Đức Phú	-	-	361	3.728	361	3.728
8	Thị trấn Mộ Đức	-	-	169	687	169	687
9	Xã Đức Chánh			720	2.860	2.290	8.763
10	Xã Đức Phong			235	938	2.321	9.260
V	**Huyện Đức Phổ**	**2.421**	**7.710**	**3.656**	**12.560**	**21.975**	**74.175**
1	Xã Phổ Minh	480	1.613	480	1.613	1.235	4.150
2	Xã Phổ Văn	255	1.031	255	1.031	642	2.560
3	Xã Phổ Cường	59	174	59	195	2.836	9.360
4	Xã Phổ An	75	135	144	325	4.306	10.766
5	Xã Phổ Khánh	530	1270	530	1270	2.484	7.450
6	Xã Phổ Châu	19	69	127	460	1.365	4.950
7	Xã Phổ Quang	81	362	214	1003	1.495	6.985
8	Xã Phổ Nhơn	137	424	137	424	887	2.744
9	Xã Phổ Vinh	70	230	335	1314	1.730	6.780
10	Xã Phổ Thuận	167	442	384	1229	725	2.320
11	Xã Phổ Phong	548	1960	548	1960	1.750	6.240
12	Xã Phổ Thạnh	0	0	443	1736	2.520	9.870
VI	**Huyện Ba Tơ**	**250**	**774**	**250**	**774**	**250**	**774**
1	Xã Ba Thành	89	275	89	275	89	275
2	Xã Ba Liên	27	91	27	91	27	91
3	Xã Ba Vì	114	339	114	339	114	339
4	Xã Ba Trang	20	69	20	69	20	69
VII	**Huyện Minh Long**	**218**	**577**	**1.792**	**6.397**	**1.792**	**6.397**
1	Xã Long Môn	29	91	304	1.096	304	1.096
2	Xã Thanh An	96	252	685	2.661	685	2.661
3	Xã Long Hiệp	93	234	803	2.640	803	2.640
VIII	**Huyện Nghĩa Hành**	**158**	**566**	**174**	**639**	**194**	**719**
1	Xã Hành Thuận	19	82	27	121	47	201
2	Xã Hành Đức	139	484	147	518	147	518
IX	**TP Quảng Ngãi**	**-**	**-**	**14.109**	**52.588**	**34.942**	**97.671**
1	Xã Tịnh Kỳ			1.220	4.556	2.343	8.201
2	Xã Tịnh Hòa			1.356	5.423	2.440	9.761
3	Xã Tịnh Khê			1.794	6.818	3.068	12.272
4	Xã Nghĩa Phú			853	3.243	1.540	5.837
5	Xã Nghĩa An			2.182	9.163	3.927	16.493
6	Xã Tịnh Thiện			465	1.627	930	3.255
7	Xã Tịnh Long			466	1.631	932	3.262
8	Xã Tịnh Châu			385	1.359	9.510	2.718
9	Xã Tịnh An			480	1.685	963	3.371
10	Xã Tịnh Ấn Đông			300	1.080	600	2.160
11	Xã Tịnh Ấn Tây			417	1.458	694	2.429

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12-15, kết hợp triều cường, nước dâng)		Cấp độ ≥ 5 (Siêu bão kết hợp triều cường, nước dâng)	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
12	Xã Nghĩa Hà			856	2.996	1.710	5.992
13	Xã Nghĩa Dũng			500	1.749	995	3.498
14	Xã Nghĩa Dõng			241	843	487	1.686
15	Phường Quảng Phú			412	1.441	772	2.701
16	Phường Trần Phú			445	1.437	540	1.875
17	P. Nguyễn Nghiêm			108	379	217	758
18	P. Trần Hưng Đạo			115	403	230	806
19	Phường Nghĩa Lộ			345	1.208	690	2.416
20	Phường Chánh Lộ			301	1.052	605	2.104
21	Phường Nghĩa Chánh			314	1.098	630	2.197
22	P. Lê Hồng Phong			150	524	309	1.049
23	P. Trương Quang Trọng			404	1.415	810	2.830
X	**Huyện Sơn Hà**	**2.101**	**7.595**	**8.129**	**29.071**	**10.338**	**38.249**
1	Sơn Bao	158	633	158	633	158	633
2	Sơn Linh	1.409	5.042	1.409	5.042	1.409	5.042
3	Sơn Giang	151	471	151	471	151	471
4	Sơn Ba	64	269	64	269	64	269
5	Sơn Hạ	91	364	91	364	91	364
6	Sơn Thủy	59	204	59	204	59	204
7	Sơn Nham	169	612	169	612	169	612
8	Sơn Thành	0	0	4502	15538	4502	15538
9	Sơn Cao	0	0	1315	4989	1315	4989
10	Sơn Thượng	0	0	211	949	842	3788
11	Xã Sơn Kỳ	0	0	0	0	1578	6339
XI	**Huyện Sơn Tây**	**-**	**-**	**241**	**949**	**241**	**949**
1	Xã Sơn Màu			16	60	16	60
2	Xã Sơn Long			14	56	14	56
3	Xã Sơn Bua			41	164	41	164
4	Xã Sơn Lập			13	47	13	47
5	Xã Sơn Liên			20	79	20	79
6	Xã Sơn Dung			46	185	46	185
7	Xã Sơn Tinh			26	104	26	104
8	Xã Sơn Mùa			5	17	5	17
9	Xã Sơn Tân			60	237	60	237
XII	**Huyện Trà Bồng**	**1.566**	**6.460**	**1.566**	**6.460**	**1.566**	**6.460**
1	Xã Trà Bùi	365	1.461	365	1.461	365	1.461
2	Xã Trà Thủy	759	3.045	759	3.045	759	3.045
3	Xã Trà Giang	92	386	92	386	92	386
4	Xã Trà Lâm	350	1.568	350	1.568	350	1.568
XIII	**Huyện Lý Sơn**	**159**	**555**	**279**	**1.068**	**4.919**	**19.300**
1	Xã An Hải	3	15	79	365	1.760	8.250
2	Xã An Bình	10	37	54	200	89	320
3	Xã An Vĩnh	146	503	146	503	3.070	10.730
XIV	**Huyện Tây Trà**			**1.320**	**5.568**	**1.320**	**5.568**
1	Xã Trà Phong			321	1.344	321	1.344
2	Xã Trà Xinh			156	646	156	646
3	Xã Trà Thọ			150	617	150	617

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12-15, kết hợp triều cường, nước dâng)		Cấp độ ≥ 5 (Siêu bão kết hợp triều cường, nước dâng)	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
4	Xã Trà Trung			47	182	47	182
5	Xã Trà Lãnh			89	359	89	359
6	Xã Trà Nham			147	632	147	632
7	Xã Trà Quân			133	592	133	592
8	Xã Trà Khê			128	528	128	528
9	Xã Trà Thanh			149	668	149	668